

Bản án số: **16/2025/DS-ST**

Ngày: 26-02-2025

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Ông Nguyễn Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Ngọc L**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 34 K, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Cẩm N**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung; biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc L trình bày:*

Trước đây bà có cho bà Trương Thị Cẩm N vay tiền nhiều lần, nhưng không nhớ cụ thể từng lần bao nhiêu, có lần nhận tiền mặt, có lần chuyển khoản, thỏa thuận lãi suất 70.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/tháng.

Cho đến tháng 4 năm 2023 thì bà N còn nợ lại 70.000.000 đồng tiền gốc (vừa vay vừa mượn, không xác định được cụ thể), sau đó bà N có trả được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 60.000.000 đồng.

Đến ngày 30/7/2023 bà N có mượn thêm 200.000.000 đồng và bà N có viết biên nhận giao cho bà giữ.

Tổng cộng bà N còn nợ bà số tiền 260.000.000 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Cẩm N phải trả cho bà số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng tiền gốc và 33.906.000 đồng tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/7/2023 đến ngày 18/11/2024.

Việc vay mượn tiền chỉ có bà và bà N giao dịch với nhau, ngoài ra không có ai khác.

Số tài khoản bà sử dụng là 7703205002090 của Ngân hàng A, tên chủ tài khoản là Trương Thị Ngọc L.

Theo như bà N trình bày về từng lần chuyển khoản qua lại giữa hai bên là có, nhưng đó là số tiền trước khi bà và bà N chốt số nợ còn lại 260.000.000 đồng.

Việc bà N cho rằng có trả bà 0 lần tiền mặt với số tiền 56.000.000 đồng là hoàn toàn không có.

Số tiền chuyển khoản trước đó thì giữa bà với bà N đã tính toán xong, chỉ còn nợ lại 60.000.000 đồng sau đó mà N mượn thêm 200.000.000 đồng nên tổng cộng bà N thiếu 260.000.000 đồng.

Bà N có chồng là ông Lê Thanh N1, nhưng số tiền này không liên quan đến ông N1 nên trong vụ án này chỉ khởi kiện buộc bà Trương Thị Cẩm N phải trả số tiền mượn và tiền lãi còn thiếu.

** Tại tờ tường trình; biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị Cẩm N trình bày:*

Bà và bà Trương Thị Ngọc L có bà con chú bác và cũng ở gần nhà, từ năm 2022 đến năm 2023 bà L chuyển khoản cho bà vay cụ thể như sau:

- Ngày 07/02/2022 là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 10.000.000 đồng mỗi tháng trả 700.000 đồng;

- Ngày 04/03/2022 là 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 10.000.000 đồng mỗi tháng trả 700.000 đồng;

- Ngày 15/3/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng;
- Ngày 06/4/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 16/5/2022 vay số tiền 35.000.000 đồng;
- Ngày 25/5/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 06/6/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 15/7/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 04/8/2022 vay số tiền là 100.000.000 đồng;
- Ngày 05/9/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng;
- Ngày 06/10/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng;
- Ngày 09/12/2022 vay số tiền 40.000.000 đồng;
- Ngày 17/02/2023 vay số tiền 25.200.000 đồng;
- Ngày 24/02/2023 vay số tiền 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà L chuyển khoản cho bà vay là 534.200.000 đồng, không có làm biên nhận, hình thức cho vay là chuyển khoản. Lãi suất ban đầu bà và bà L thỏa thuận là 1.000.000 đồng một ngày là 5.000 đồng, tới khi tính lãi bà L bớt cho bà 1.000 đồng chỉ tính 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/ngày.

Sau khi vay thì bà đã chuyển trả và đóng lại cho bà L từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2023 với số tiền chuyển cụ thể như sau:

- Ngày 25/3/2022 chuyển 2.000.000 đồng;
- Ngày 29/3/2022 chuyển 20.000.000 đồng;
- Ngày 05/4/2022 chuyển 2.650.000 đồng;
- Ngày 22/4/2022 chuyển 32.040.000 đồng;
- Ngày 05/5/2022 chuyển 2.700.000 đồng;
- Ngày 09/5/2022 chuyển 450.000 đồng;
- Ngày 05/5/2022 chuyển 1.400.000 đồng;
- Ngày 30/5/2022 chuyển 1.560.000 đồng;
- Ngày 02/6/2022 chuyển 2.650.000 đồng;

- Ngày 06/6/2022 chuyển 2.060.000 đồng;
- Ngày 20/6/2022 chuyển 5.700.000 đồng;
- Ngày 02/7/2022 chuyển 3.800.000 đồng;
- Ngày 06/7/2022 chuyển 2.150.000 đồng;
- Ngày 08/7/2022 chuyển 5.404.000 đồng;
- Ngày 08/7/2022 chuyển 49.000.000 đồng;
- Ngày 15/7/2022 chuyển 1.260.000 đồng;
- Ngày 25/7/2022 chuyển 3.800.000 đồng;
- Ngày 03/8/2022 chuyển 5.950.000 đồng;
- Ngày 08/8/2022 chuyển 52.000.000 đồng;
- Ngày 13/8/2022 chuyển 4.800.000 đồng;
- Ngày 22/8/2022 chuyển 3.800.000 đồng;
- Ngày 24/8/2022 chuyển 1.620.000 đồng;
- Ngày 05/9/2022 chuyển 8.750.000 đồng;
- Ngày 12/9/2022 chuyển 3.800.000 đồng;
- Ngày 15/9/2022 chuyển 3.550.000 đồng;
- Ngày 22/9/2022 chuyển 3.800.000 đồng;
- Ngày 03/10/2022 chuyển 100.000.000 đồng;
- Ngày 03/10/2022 chuyển 53.760.000 đồng;
- Ngày 11/10/2022 chuyển 2.150.000 đồng;
- Ngày 12/10/2022 chuyển 1.750.000 đồng;
- Ngày 17/10/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 24/10/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 28/10/2022 chuyển 5.000.000 đồng;
- Ngày 31/10/2022 chuyển 2.000.000 đồng;
- Ngày 02/11/2022 chuyển 2.150.000 đồng;
- Ngày 03/11/2022 chuyển 2.000.000 đồng;
- Ngày 09/11/2022 chuyển 4.000.000 đồng;

- Ngày 11/11/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 15/11/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 21/11/2022 chuyển 3.000.000 đồng;
- Ngày 28/11/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 01/12/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 03/12/2022 chuyển 3.150.000 đồng;
- Ngày 12/12/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 17/12/2022 chuyển 41.440.000 đồng;
- Ngày 22/12/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 26/12/2022 chuyển 4.000.000 đồng;
- Ngày 28/12/2022 chuyển 1.600.000 đồng;
- Ngày 27/01/2023 chuyển 1.600.000 đồng;
- Ngày 06/02/2023 chuyển 9.000.000 đồng;
- Ngày 02/3/2023 chuyển 49.000.000 đồng;
- Ngày 03/3/2023 chuyển 1.200.000 đồng;
- Ngày 08/3/2023 chuyển 13.000.000 đồng;
- Ngày 15/3/2023 chuyển 4.800.000 đồng;
- Ngày 20/3/2023 chuyển 1.400.000 đồng;
- Ngày 30/3/2023 chuyển 500.000 đồng;
- Ngày 22/4/2023 chuyển 3.000.000 đồng;
- Ngày 24/4/2023 chuyển 2.000.000 đồng;
- Ngày 04/5/2023 chuyển 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà chuyển qua tài khoản là 575.194.000 đồng và trả tiền mặt 04 lần với số tiền 56.000.000 đồng (lần thứ nhất là 26.000.000 đồng, 03 lần còn lại mỗi lần 10.000.000 đồng). Tổng cộng bà gửi trả tiền cho bà L là 631.194.000 đồng.

Đến ngày 31/01/2023 bà và bà L chốt lại số tiền tính gốc và lãi, bà L nói bà còn nợ bà L là 270.000.000 đồng, bà đóng lại đến tháng 6 thì bà bị bệnh không có khả năng đóng lãi nữa.

Bà L kêu bà qua nhà chốt lại số tiền là 270.000.000 đồng, sau đó bà trả được 10.000.000 đồng, còn lại 260.000.000 đồng. Bà hứa tháng 8 sẽ trả cho bà L 60.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng, ngày 30/7/2023 bà L kêu bà qua nhà bà L ghi biên nhận, không tính lãi nữa, bà L kêu bà viết giấy mượn tiền với nội dung là mượn 200.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/7/2023, mỗi tháng trả cho bà L 50.000.000 đồng, bắt đầu trả tháng 9/2023 (al), trả cho đến hết năm 2023. Số tiền 200.000.000 đồng là số tiền mà bà L cho bà vay từ trước nhiều lần trả gốc và lãi, do lãi cao quá nên bà không có khả năng trả đủ, bà L kêu bà viết biên nhận. Số tiền trong biên nhận là tiền từ những lần vay trước. Nay yêu cầu Tòa án tính lại số tiền mà bà đã trả cho bà L theo lãi suất quy định của pháp luật, số còn lại bao nhiêu bà sẽ tiếp tục trả cho bà L.

Cụ thể: Bà L cho bà vay bắt đầu ngày 07/02/2022 đến ngày 24/02/2023 với tổng số tiền 534.200.000 đồng. Bà trả cho bà L từ ngày 25/3/2022 đến ngày 04/5/2023 với số tiền 631.194.000 đồng, trong đó: chuyển khoản trả 575.194.000 đồng, trả tiền mặt 66.000.000 đồng.

Tính theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 07/02/2022 đến ngày 04/5/2023 là 14 tháng 27 ngày nên tính tròn là 15 tháng: $(534.200.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) \times 15 \text{ tháng} = 133.550.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc, lãi là 667.750.000 đồng - số tiền bà đã trả cho bà L là 631.194.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 26.556.000 đồng.

Số tiền bà và bà L giao dịch với nhau là tiền vay, bà không có mượn.

Số tiền bà làm biên nhận cho bà L là số tiền trong những lần bà vay của bà L, ngoài ra không phải khoản vay nào khác.

Bà chỉ thừa nhận còn nợ lại 26.556.000 đồng và trả lãi đối với số tiền này theo quy định từ tháng 6 năm 2023.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L chỉ yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Cẩm N phải trả cho bà đủ một lần số tiền mượn còn thiếu là 260.000.000 đồng, xin rút lại yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà Trương Thị Cẩm N có ý kiến: Đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L số tiền vay còn thiếu là 260.000.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền vay còn thiếu và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản* và bị đơn có nơi cư trú tại khu phố V, thị trấn V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thừa nhận của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L với bị đơn bà Trương Thị Cẩm N có xác lập hợp đồng dân sự vay (mượn) tài sản với nhau và hiện bị đơn bà Trương Thị Cẩm N còn nợ nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L số tiền vay còn thiếu là 260.000.000 đồng theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Tuy về thời gian từng lần vay, thỏa thuận lãi suất, số tiền đã trả các bên trình bày không thống nhất nhau, nhưng hai bên không ai tranh chấp và yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét lại phần này.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L cũng như bị đơn bà Trương Thị Cẩm N xác định, tất cả các giao dịch được thực hiện chỉ có bà L1 với bà N, không liên quan gì ông Lê Thanh N1 (chồng bà Trương Thị Cẩm N). Do đó, bà L xác định chỉ khởi kiện bà N phải trả nợ cho bà và bà N cũng thống nhất. Vì vậy, trong vụ việc này chỉ bà N là người chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L.

[4] Do hai bên không thỏa thuận được thời gian và phương thức hẹn trả nên HĐXX không thể ghi nhận. Vì vậy, cần buộc bị đơn Trương Thị Cẩm N phải trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L số tiền vay gốc còn thiếu là 260.000.000

đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà N phải trả 33.906.000 đồng tiền lãi, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Đồng thời, bị đơn bà N không có yêu cầu phản tố. Như vậy, xác định được nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn bà L đối với bị đơn bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn bà Trương Thị Cẩm N phải chịu án phí có giá ngạch là 13.000.000 đồng (260.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trương Thị Cẩm N phải trả cho bà Trương Thị Ngọc L số tiền vay còn thiếu là 260.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị Ngọc L, nếu bà Trương Thị Cẩm N không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà L thì hàng tháng bà N còn phải trả tiền lãi cho bà L theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc L buộc bà Trương Thị Cẩm N phải số tiền lãi là 33.906.000 đồng và bà L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần này, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

4. Về án phí:

- Bị đơn bà Trương Thị Cẩm N phải chịu 13.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trương Thị Ngọc L 7.347.650 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002305 ngày 26 tháng 9 năm 2024 và số 0002451 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/02/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND TT Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh